TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Thanh Tuấn
Ông Trịnh Hoàng Giang

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm: 1977. (Có mặt)
- *Bị đơn*: Anh Võ Văn V (tên gọi khác O) - sinh năm: 1974. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Văn V tự tìm hiểu nhau khoảng gần 02 tháng, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 1995. Cho đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc gần 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị L yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị C - sinh ngày: 14/10/1996, Võ Thị Mỹ D - sinh ngày: 18/9/1998 và Võ Trí N - sinh ngày: 29/10/2004. hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Võ Văn V trình bày: Anh và chị L bắt đầu chung sống từ năm 1995 cho đến nay, anh chị chưa đăng ký kết hôn. Nay chị L yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thì anh V đồng ý.

Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Văn V. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng anh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh V không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn V cưới nhau vào năm 1995, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông V có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh V cùng xác định anh chị có 03 con chung tên Võ Thị C - sinh ngày: 14/10/1996, Võ Thị Mỹ D - sinh ngày: 18/9/1998 và Võ Trí N - sinh ngày: 29/10/2004. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008925 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn V là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008925 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An